

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2022

*V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Sáu**

2. Ông **Phạm Trung Thành**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2021/TLST–HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị N**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp H2, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp H1, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà N, ông P có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A. Ông, bà chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và ông P nhiều lần đánh đập bà. Ông, bà tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11/2021 đến nay.

Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh X, sinh ngày 04/8/2006, hiện do bà nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu xin được ly hôn ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh X, sinh ngày 04/8/2006, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Theo bản tự khai không đề ngày được Tòa án nhận ngày 17/01/2022 bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông và bà Võ Thị N kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, ông thừa nhận có đánh bà N.

Về con chung: Ông, bà có 01 con chung X bà N khai là đúng,

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ, chồng có 01 phần đất diện tích 1.500m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang do bà Đ mẹ vợ đứng tên.

Nay do còn thương vợ, ông không đồng ý ly hôn nên chưa có ý kiến về con chung. Về tài sản, ông yêu cầu bà N chia cho ông ½ giá trị phần đất là 30 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa, ông P xác định vợ chồng không có tài sản chung. Bà N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con của bà và ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ tranh chấp: Bà N có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông P và yêu cầu nuôi con chung của bà và ông P, nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

##### **2.1. Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 053, quyền số 01/2008 ngày

21/4/2008. Ông, bà chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và ông P nhiều lần đánh đập bà N. Ông, bà tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11/2021 đến nay. Mặc dù ông P không đồng ý ly hôn, Xng từ khi ông bà cắt đứt quan hệ đến nay không ai tới lui ai. Đồng thời, tại phiên tòa ông bà thừa nhận trước đây ông bà nhiều lần cắt đứt quan hệ vợ chồng. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng đã thật sự tan vỡ. Mặt khác, ông P thừa nhận trong thời gian sống chung ông nhiều lần đánh đập bà N. Chứng tỏ, ông P có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N và cho bà Võ Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn P là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về con chung*: Bà N, ông P có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh X, sinh ngày 04/8/2006. Hiện con chung do bà N nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân tới nay cũng đã ổn định. Đồng thời, qua ý kiến lời khai cháu Quỳnh X có nguyện vọng được sống với bà N, nên tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có

2.4. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. **VỀ ÁN PHÍ**: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **VỀ QUYỀN KHÁNG CÁO**: Bà N, ông P được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị N.

- Cho bà Võ Thị N. được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Võ Thị N

- Giao con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh X, sinh ngày 04/8/2006 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do bà N không yêu cầu.

- Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có.

5. *Về án phí*:

- Bà N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001132 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem X bà N đã thi hành xong phần án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHẠM VĂN NHỊN**